

Traï qua hơn 10 năm đổi mới, trong đó có 5 năm ngành ngân hàng thực sự cải tổ đồng bộ các mặt hoạt động của ngành, vai trò của công tác hoạch định và điều hành chính sách tài chính, tiền tệ đã và đang trở thành một trong những khâu nóng bỏng, thu hút sự chú ý, sự quan tâm và khích lệ của nhiều ngành, nhiều cấp, từ trung ương đến địa phương. Chính những cải tiến để có được những chuyển biến thực sự về “chất”, từng bước bắt kịp tín hiệu thị trường trong việc lập và điều hành các chính sách cung ứng tiền, chính sách tín dụng, chính sách ngoại hối; và sự sử dụng khéo léo, linh hoạt và đồng bộ các công cụ tiền tệ ở buổi đầu còn “chập chững” của một nền kinh tế mới chuyển sang cơ chế thị trường, đã góp phần không ngừng củng cố và kiện toàn nền tiền tệ quốc gia, đẩy lùi và kiềm chế thành công lạm phát, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng như vừa qua. Mặt khác, chính các chỉ số đáng phấn khởi về tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát, hạn chế thâm hụt ngân sách, thâm hụt cán cân vãng lai, gia tăng mức tích lũy, tiết kiệm và đầu tư (gồm cả nguồn trong và ngoài nước) từ một vài năm trở lại đây càng khẳng định sự đúng đắn về chủ trương, đường lối, biện pháp phát triển kinh tế của Đảng, nhà nước, nhấn mạnh vai trò phối kết hợp đồng bộ trong hoạt động của các ngành kinh tế vĩ mô, trong đó có ngành tài chính và ngân hàng. Tất cả những điều này càng hết sức có ý nghĩa khi mà đất nước đã ở vào thời điểm lịch sử hết sức trọng đại đẩy mạnh sự nghiệp CNH - HĐH nhằm xây dựng bệ phóng vững chắc cho một “lộ trình” kinh tế sớm đi vào thế kỷ 21 với đầy đủ hành trang cần thiết.

Tuy nhiên, theo các đánh giá toàn diện về thực trạng kinh tế VN của Đảng và nhà nước (tinh thần mới nhất là các văn kiện đại hội VIII, có tham khảo đánh giá của các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế, các chuyên gia tài chính ngân hàng trong và ngoài nước) thì sự “khởi sắc” đáng khích lệ của nền kinh tế VN mấy năm qua chưa đủ độ “chín muồi”, còn đầy khó khăn thách thức và nguy cơ khó lường. Tựu trung lại nền kinh tế VN mới bước đầu ổn định tương đối vững

chắc và chuyển sang giai đoạn phát triển. Năm 1996, đất nước bước vào giai đoạn hết sức hệ trọng như một “nhịp nổi” giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Vấn đề đang đặt ra đòi hỏi kinh tế tiếp tục ổn định nhưng với nhịp độ tăng trưởng nhanh hơn, bền vững hơn mới duy trì được những thành quả đã đạt được, đồng thời tạo sức bật mạnh về tiềm lực kinh tế, tránh cho đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu quá xa so với nhiều nước trong khu vực. Khác với phương châm

chống nguồn vốn trong nước, mới có thể đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH đất nước. Hơn bao giờ hết vai trò các chính sách tài chính, chính sách tiền tệ càng được đề cao đúng tầm của chúng nhằm tạo dựng và duy trì sự cân bằng trong việc khai thác, kết hợp và sử dụng hợp lý các nguồn lực trong và ngoài nước, vừa tranh thủ được lợi thế đi sau của các nước CNH - HĐH, vừa tránh được nguy cơ dẫn tới những cuộc khủng hoảng kinh tế từng diễn ra nơi này, nơi khác.

Về phía ngân hàng chính sách tiền tệ đang tiếp tục phát huy những mặt tích cực đạt được, khắc phục một số hạn chế để tranh thủ các điều kiện quốc tế, khu vực thuận lợi và phát huy khả năng “nội tại” của đất nước nhằm huy động vốn từ bên ngoài và phát triển nhanh chóng nguồn vốn trong nước xuất phát từ yêu cầu CNH, HĐH. Để đạt được như vậy, ngân hàng trung ương đã sớm triển khai công tác dự báo tiền tệ và chiến lược vốn đến năm 2000 và những năm sau đó làm nền tảng cho xây dựng và triển khai chính sách tiền tệ trong mối quan hệ phối hợp đồng bộ với chính sách tài chính quốc gia. Tựu trung lại có một số nội dung nổi bật là:

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC NHỮNG BƯỚC ĐI TRƯỚC MẮT VÀ LÂU DÀI

PTS. LÊ THỊ NGỌT
Phó thống đốc NHNN

đổi mới ở các giai đoạn trước lấy ổn định kinh tế làm nền tảng, nay trong giai đoạn mới 1996 - 2000, tăng trưởng kinh tế mới là mục tiêu chính, tăng trưởng kinh tế cao, bền vững được coi là nền tảng cho sự ổn định kinh tế và ổn định kinh tế phải hỗ trợ, mở đường, không gây trở ngại cho tăng trưởng kinh tế.

Để có tăng trưởng kinh tế cao và bền vững thì mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng hồi thúc phải đáp ứng nhu cầu vốn nhiều hơn, nhanh hơn, ổn định hơn của nền kinh tế. Định hướng chiến lược kinh tế - xã hội 1996 - 2000 của Đảng ta đã chỉ ra “chính sách tài chính quốc gia phải hướng vào việc tạo vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, điều tiết quan hệ tích lũy tiêu dùng theo hướng nâng dần tỷ lệ tích lũy...”. Lúc này có huy động được nguồn vốn từ bên ngoài và phát triển nhanh

1. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, CHẤP NÓI, GIÁM SÁT, ĐIỀU CHỈNH CÁC HOẠT ĐỘNG TẠO VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VÌ MỤC TIÊU CNH, HĐH:

Thứ nhất: Bằng cơ chế, chính sách tiền tệ khuyến khích tín dụng trong nước, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư của nội bộ nền kinh tế. Dựa vào đó quản lý và sử dụng đúng đắn đầu tư nước ngoài (trực tiếp hay gián tiếp, kể cả cho vay thương mại) ngăn chặn nguy cơ tăng gánh nặng nợ nần (tính theo chỉ số dịch vụ nợ trên GDP và kim ngạch xuất khẩu hàng năm) mà đáp số là sự lệ thuộc nước ngoài, không thì là khủng hoảng kinh tế - xã hội một khi các nước chủ nợ, chủ đầu tư thay đổi chính sách hoặc có biến cố bất ổn.

Thứ hai: Điều chỉnh và kiểm soát chặt chẽ các luồng vốn nước ngoài vào (gồm cả vốn bằng tiền,

ngoại tệ, lẫn tư bản hàng hóa) thường gây áp lực lạm phát biến nước nhận đầu tư và vay nợ thành xã hội tiêu thụ và trở thành nguồn cung cấp nguyên liệu, nhân công giá rẻ cho các thị trường lớn, gồm các nước phát triển và đang phát triển, có như vậy mới tránh cho đất nước khỏi nguy cơ bị cạn kiệt tài nguyên, môi trường sinh thái bị xáo trộn và huỷ hoại, kinh tế lệ thuộc vào nước ngoài...

Thứ ba: Mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế tăng cường sự hiểu biết và học hỏi kinh nghiệm (đặc biệt về kinh nghiệm hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ) nhằm tránh cho đất nước sự thua thiệt trong quá trình hội nhập với cộng đồng tài chính, tiền tệ quốc tế, vừa tranh thủ tăng cường ảnh hưởng và uy tín của VN ở các thị trường tài chính, thị trường đầu tư và hoạt động thương mại quốc tế. Đó là con đường nhanh nhất khả dĩ có thể thu hẹp khoảng cách tụt hậu về nhiều mặt của VN với các nước trong khu vực và các nước đang phát triển khác.

Thứ tư: Ngân hàng trung ương thường xuyên phối hợp với ngành tài chính tìm phương án tối ưu xử lý thâm hụt ngân sách, lành mạnh hóa trạng thái "cung, cầu" trong nước, sử dụng đúng đắn các nguồn tài trợ nước ngoài. Việc này chú trọng ngay cả các khoản cho vay ưu đãi "tài trợ phát triển chính thức" ODA và "tài trợ phát triển không chính thức" NODA - nhẹ lãi, có thời gian ân hạn vì cũng có thể tạo bất lợi "cộng hưởng" do nước nhận vốn bị "lép vế" trước thế mạnh về sức mua đồng tiền từ phía các nước cấp đầu tư, viện trợ. Không ít quốc gia (như Indonesia, Philipin và một số nước châu Mỹ la tinh...) gần đây phải chịu thêm gánh nặng nợ nước ngoài (mà nợ gốc đã khá lớn) do ngoại tệ mạnh lên giá. Sự ngộ nhận dễ dãi về tính chất các loại hình đầu tư tư bản dễ làm các nước nhận đầu tư mất cảnh giác, sử dụng vốn lãng phí, không có hiệu quả, tạo gánh nặng nợ nần chồng chất cho thế hệ mai sau.

Không ít chuyên gia tài chính trong nước và ngoài nước đã có ý kiến cảnh báo về trạng thái phát triển kinh tế "nóng" của VN. Điều này càng khó tránh khi mà chúng ta cần tăng tốc đẩy mạnh CNH, HĐH. Dù muốn hay không muốn đầu tư gia tăng ngoài vòng kiểm soát (của các ngành kinh tế vĩ mô) đều dẫn đến tai họa khôn lường. Chỉ đơn cử mới đây, một cơ quan nghiên cứu chiến lược kinh tế quốc tế của Thụy Sĩ tổ chức các cuộc nghiên cứu khảo sát và đã tổng kết có tới 2/3 các xí nghiệp, công ty trong nước nhập phải máy móc thiết bị

"rởm", "lỗi thời" và giá "khá mắc" so chất lượng chủng loại, thế hệ của chúng. Như vậy đủ biết sự sơ hở trong hoạch định chính sách, sự lơ đãng trong quản lý đầu tư, quản lý tiền tệ có tác động không tốt cho nền kinh tế. Không biết đến bao giờ số máy móc, thiết bị này mới khấu hao hết và hiệu quả đem lại tính được là bao nhiêu? Tuy nhiên, VN không có con đường lựa chọn nào khác là trước mắt phải dựa vào các nguồn lực bên ngoài (chủ yếu là vốn đầu tư) để tạo "sức bật" ban đầu và luôn ý thức được về các "mặt trái" của những "món lợi" mà đầu tư nước ngoài mang lại. Nhận thức như vậy càng cho chúng ta thấy hết tầm quan trọng của các cơ quan lập và điều hành chính sách vĩ mô. Cũng thật là vinh dự với trách nhiệm nặng nề trong số các cơ quan này là NHTW.



II. CHIẾN LƯỢC HUY ĐỘNG VỐN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC LÀ MỘT TRONG NHỮNG KHẨU QUAN TRỌNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ QUỐC GIA, ĐƯỢC COI LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU CỦA NHTW HIỆN NAY:

Với tư cách là người tham mưu của nhà nước và tham gia hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, NHTW phải hiểu rõ mô thức tăng trưởng kinh tế đất nước hiện dựa vào nguồn lực nào là chủ yếu và phải có đóng góp quan trọng cùng chính phủ và các ngành hữu quan tìm cách thức tạo các nguồn lực này. Một trong cấu thành quan trọng của các nguồn lực này là vốn. Phương châm tạo vốn là nhiều hơn, nhanh hơn, rẻ hơn, ổn định hơn buộc phải đi đến xác lập mối quan hệ về vị trí giữa vốn trong nước và ngoài nước. Điều đó quyết định cách thức, giải pháp tạo vốn và xác lập bước đi qua các giai đoạn khác nhau. Thông qua hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ

(vốn là cấu thành quan trọng của chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia), NHTW sẽ phản ánh quan điểm và có chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc thực hiện chiến lược vốn. Đến lượt nó, chiến lược vốn cũng có ảnh hưởng quyết định thành bại của chính sách tiền tệ của NHTW trong giai đoạn này. Không ai có thể thay thế NHTW với nhiệm vụ chính là ổn định sức mua đối nội và đối ngoại (giá trị) của đồng tiền, góp phần ổn định giá cả và kiềm chế lạm phát, phục vụ tăng trưởng kinh tế. Chiến lược vốn tất yếu làm thay đổi lớn về trung và dài hạn mối quan hệ cung cầu về tiền của nền kinh tế. Điều này tất yếu buộc chính sách tiền tệ phải có điều chỉnh mới thích hợp.

Điểm xuyên suốt trong quá trình thực hiện huy động vốn trong nước và nước ngoài của NHTW là tính thống nhất giữa hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ. Chính sách tiền tệ của NHTW phải tạo điều kiện cả trước mắt và lâu dài cho việc thực hiện chiến lược vốn của hệ thống ngân hàng cũng như chiến lược vốn của nền kinh tế nhằm phục vụ CNH, HĐH.

Các quan điểm về CNH, HĐH của Đảng và nhà nước ta hiện nay là nền tảng xây dựng chính sách tiền tệ. Phải coi phát triển khoa học và công nghệ là công việc của toàn xã hội, của mọi thành phần kinh tế và là một quá trình gian khổ, lâu dài, toàn diện.

Do vậy, phương châm của chính sách tiền tệ phải là:

- Chủ yếu dựa vào nguồn lực trong nước đi đôi với mở rộng và hợp tác quốc tế, nhằm khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực bên ngoài.

- Đa dạng hóa mọi nguồn vốn phục vụ CNH, HĐH về cả vị trí, không gian tạo vốn lẫn thể cấu vốn.

Vốn đầu tư ngày nay bao gồm vốn bằng tiền, sức lao động, tài sản cố định tích lũy từ nhiều thế hệ, tài nguyên thiên nhiên, lợi thế địa - kinh tế và nhiều loại vốn hữu hình và vô hình khác. Đặc biệt đối với VN phải coi trọng nguồn vốn "chất xám" của đội ngũ cán bộ khoa học, các nhà quản lý và kinh doanh. Chỉ có "chất xám" mới giúp khai thác tối ưu mọi nguồn vốn, lựa chọn áp dụng đúng đắn công nghệ tiên tiến và triển khai ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật để rút ngắn tiến độ CNH, HĐH, sớm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho đất nước.

- Tranh thủ sự phối hợp kết hợp đồng bộ, có hiệu quả của các ngành, các cấp hữu quan, mà trong đó ngân hàng đóng góp phần tích cực. Phải cụ

thể hóa từ khâu hoạch định đến điều hành chính sách để mọi quyết định quản lý và chính sách đưa ra có tính khả thi cao đối với việc tạo vốn cho CNH - HĐH

- Ngân hàng triển khai chiến lược vốn nhằm không chỉ phân đầu huy động được nguồn vốn trung và dài hạn ngày càng lớn, để từ nay đến năm 2000 nguồn vốn trung, dài hạn qua hệ thống ngân hàng sẽ chiếm khoảng 13 - 15% so tổng nguồn vốn huy động đầu tư trong nước (hiện nay mới ở mức 8%), mà vấn đề quan trọng hơn cả là thông qua việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ cần nhanh chóng tạo lập sự ổn định hơn nữa về tiền tệ, bằng cách tiếp tục kiểm chế, phân đầu đưa tỷ lệ lạm phát về mức luôn thấp hơn khoảng 1% - 2% so với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Nền kinh tế có ổn định về vĩ mô, trong đó ổn định về tiền tệ là quan trọng hàng đầu thì mới thực hiện tốt chiến lược huy động vốn phục vụ CNH, HĐH, mới phát triển được kinh tế. Ổn định tiền tệ là điều kiện tiên quyết đảm bảo thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực tế qua 9 tháng đầu năm 1996 lạm phát giảm hết sức nhanh trong lúc kinh tế tăng trưởng khả quan. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi để ngay từ năm 1996 gia tăng tích lũy, tiết kiệm, tích tụ vốn từ nội bộ nền kinh tế hướng tới đầu tư phát triển trung, dài hạn, khâu then chốt của chiến lược CNH, HĐH. Bên cạnh đó, ngân hàng và các ngành cũng đang hết sức thận trọng theo dõi diễn biến thị trường trong nước (và quốc tế) để có biện pháp ứng phó kịp thời, tránh để lạm phát gia tăng trở lại như năm 1994 (năm 1993 lạm phát: 5,3%, năm 1994: 14,4%).

III. TRONG KHUÔN KHỔ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ TRƯỚC MẮT CÙNG NHƯ LÂU DÀI TỰ TRUNG LẠI, VAI TRÒ CỦA NHTW TRONG VIỆC TẠO DỰNG CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ VĨ MÔ PHỤC VỤ CNH, HĐH CẦN PHẢI GIẢI QUYẾT TỐT ĐƯỢC 3 LOẠI VẤN ĐỀ SAU:

Một là: nâng cao năng lực hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ, tạo lập một chính sách tiền tệ tích cực, năng động và có hiệu quả luôn hướng đến mở rộng mọi nguồn vốn đầu tư cho đất nước, kiểm soát được mọi nguồn vốn đầu tư từ trong nước và ngoài nước.

NHTW quan tâm phát triển nhanh chóng các loại động sản tài chính, bao gồm vốn bằng tiền và các loại chứng phiếu có giá (còn gọi là bán tiền tệ). Trước hết tập trung cho tăng trưởng về số lượng và nâng cao chất lượng các loại tài sản có của hệ thống ngân hàng.

Tính đến 31.12.1995, tỷ trọng

tài sản có của hệ thống ngân hàng mới chiếm 25,4% GDP, chưa kể khoảng 3% tài sản có không sinh lời (các khoản nợ đọng, khó đòi, nợ khoanh...) đều là hết sức nhỏ nhoi so với nhu cầu của nền kinh tế. Hơn nữa phần tài sản dành cho các khoản đầu tư trung, dài hạn và đầu tư xây dựng cơ bản mới chỉ chiếm 29,2% trên tổng mức dư nợ cho vay nền kinh tế. Cần lưu ý rằng toàn bộ tài sản có của hệ thống ngân hàng chiếm chưa đầy 1/5 tổng số nợ nước ngoài hiện nay của đất nước, gấp 2,5 lần tài sản tích lũy thực so GDP hàng năm (nếu tính 10% tỷ lệ tích lũy GDP). Đó là những con



số đáng báo động cho thấy tiềm lực tài chính của hệ thống ngân hàng rất yếu và mỏng manh. Vừa qua tỷ lệ trả nợ nước ngoài hàng năm giảm liên tục từ năm 1988, đặc biệt giảm mạnh từ 1990 - 1992 do tác động có lợi của các cuộc đàm phán xử lý nợ nước ngoài cho VN tại Câu lạc bộ Paris, London. Tuy nhiên, tổng số nợ so GDP từ năm 1992 lại có xu hướng ngày càng tăng lên. Điều này cho thấy tính cấp bách của việc gia tăng tài sản có của hệ thống ngân hàng so GDP bằng cách thúc đẩy tăng tương ứng các tỷ lệ tích lũy ròng và tiết kiệm để dành, đồng thời giảm dần tỷ trọng vay nợ nước ngoài trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư chung.

Để có tỷ lệ tích lũy, tiết kiệm cho đầu tư cao từ 20% - 30%, chính sách tiền tệ phải khuyến khích tiết kiệm, tránh tiêu dùng lãng phí, tập trung vốn nhân rồi cho sản xuất kinh doanh, tạo lập tích lũy trong nước (cho cả ngân hàng và các doanh nghiệp). Ngân hàng hoàn toàn có thể làm việc này thông qua cơ chế lãi suất "thực dương" linh hoạt có lợi cho các nhà đầu tư (kể cả người có tiền gửi và ngân hàng) và các doanh nghiệp.

Dùng lãi suất làm "đòn bẩy" thúc đẩy các NHTM và TCTD cạnh tranh sôi động, tự chủ, năng động trong kinh doanh, chú trọng huy động vốn cho đầu tư trung và dài hạn. Việc đưa lãi suất cho vay trung, dài hạn cao dần hơn lãi suất cho vay ngắn hạn và có chế độ bảo hiểm tiền gửi và đầu tư trung, dài hạn là xu thế nên làm.

Việc linh hoạt hóa dự trữ bất buộc và giảm nhẹ ở mức cân bằng hợp lý lãi suất chỉ đạo của NHTW sẽ làm giảm chi phí sử dụng vốn, tăng mức vốn khả dụng cho các ngân hàng. Kết quả tạo xu hướng giảm thấp lãi suất cho vay ngắn hạn. Lãi suất cho vay ngắn hạn giảm sẽ hỗ trợ cho lãi suất cho vay trung, dài hạn để có thể kích thích các nhà đầu tư sử dụng vốn. Mặt khác, cần duy trì tỷ giá hối đoái ổn định, hợp lý vừa khuyến khích xuất khẩu, vừa hỗ trợ sản xuất trong nước để thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. NHTW phải có chính sách lãi suất khôn khéo vừa tạo ra mức sinh lợi hợp lý cho đồng nội tệ (so với các loại ngoại tệ) vừa duy trì sự ổn định tỷ giá hối đoái.

Trong điều kiện kinh tế mở cửa hiện nay, tỷ giá hối đoái không chỉ như một loại giá cả đặc biệt để so sánh và làm vật ngang giá về sức mua giữa hai loại đồng bản tệ và ngoại tệ mà còn là công cụ tiền tệ trung gian hết sức quan trọng và nếu khéo sử dụng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho huy động vốn và đầu tư. Nếu tỷ giá hối đoái chỉ khuyến khích một chiều xuất khẩu bằng cách liên tục đánh giá thấp giá trị đồng bản tệ sẽ đưa đến những khó khăn cho nhà sản xuất trong nước và đó không phải là kết quả bền vững lâu dài mà chế độ tỷ giá linh hoạt có điều tiết đưa lại. Ngược lại, nếu đánh giá quá cao đồng bản tệ, sẽ khuyến khích nhập khẩu, giảm khả năng tích lũy ngoại tệ, tiêu giảm năng lực trả nợ nước ngoài, không có lợi cho chiến lược vốn. Bên cạnh các chính sách ưu đãi, bảo hộ đầu tư của các ngành hữu quan (về thuế, phí, đăng ký, cấp giấy phép, quản lý đầu tư nước ngoài, xuất nhập khẩu, quyền sử dụng đất...) cần chú trọng hơn cả tạo độ hấp dẫn cao về lãi suất bản tệ, nâng sức cạnh tranh thu hút vốn trong và ngoài nước.

Trong lúc kết cấu các khối tiền của VN chưa rõ nét, mức độ "tiền tệ hóa" của nền kinh tế chưa cao, chưa phát triển thống nhất, chính sách tiền tệ nên hướng đến "chứng khoán hóa tiền tệ" thông qua tạo lập nhanh chóng các công cụ tài chính, giấy tờ có giá sinh lời nhằm thúc đẩy gia tăng chu chuyển vốn của nền kinh tế (gồm cả vốn trung, dài hạn) vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát tổng lượng tiền (phát triển các nghiệp vụ thị trường mở) vừa không

gây hiệu ứng lạm phát. Việc thừa nhận và tạo cơ chế vận hành bộ phận "bán tiền tệ" là các chứng khoán có giá ngắn hạn và dài hạn tất yếu đưa đến sự mở rộng cơ cấu khối tiền, tăng nhanh lượng tuyệt đối vốn đầu tư trung, dài hạn.

Chúng ta cần cố gắng tập trung việc huy động vốn trong nước vào một mối, loại bỏ cạnh tranh lãi suất không có lợi cho thực thi chiến lược vốn, phải có sự thống nhất giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài chính quốc gia. Tiến tới NHNN làm đại lý đầu thầu toàn bộ các loại tín phiếu, trái phiếu chính phủ. Nguồn vốn phát hành trái phiếu kho bạc chỉ nên tập trung đầu tư trung, dài hạn phục vụ CNH, HĐH đất nước.

Hai là: kiện toàn hệ thống trung gian tài chính đa thành phần, đa năng, đẩy mạnh phát triển thị trường vốn dài hạn, tạo lập uy tín trong phục vụ khách hàng, bảo đảm an toàn về tài sản cho khách hàng và chính bản thân ngân hàng.

+ Trong lúc thị trường vốn dài hạn chưa phát triển, chỉ có hệ thống ngân hàng không ngừng được hoàn thiện, làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao mới đảm bảo thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ đáp ứng yêu cầu chiến lược vốn đề ra. Về nguyên tắc ở đâu và khi nào có cơ hội tạo vốn cho CNH, HĐH thì các ngân hàng phải có mặt.

+ Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động vốn mới (tiền gửi tiết kiệm xây dựng nhà ở, phát hành chứng khoán nợ...) hoàn thiện các nghiệp vụ tiền gửi truyền thống (tiền gửi TK dài hạn các loại...). Đặc biệt chú trọng các hình thức phát hành tín phiếu, trái phiếu dài hạn của các NHTM, thực hiện chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm, nghiên cứu phát hành trái phiếu gọi vốn ở thị trường quốc tế... Làm tốt nghiệp vụ kiều hối để động viên hơn nữa nguồn đầu tư về nước, đóng góp xây dựng đất nước từ kiều bào VN ở nước ngoài.

+ Phát triển mạnh kinh doanh đa năng, không chỉ nhận tiền gửi, cho vay, thanh toán theo lối truyền thống mà mở rộng nghiệp vụ tín dụng thuê mua, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tư vấn, môi giới, bảo hiểm, kinh doanh chứng khoán (trước mắt có trái phiếu ngân hàng, trái phiếu kho bạc, trái phiếu doanh nghiệp, lâu dài sẽ phong phú hơn). Các NHTM, các TCTD không chỉ cho vay vốn trực tiếp, mà mở rộng hùn vốn, mua trái phiếu, cổ phần, liên doanh, liên kết với nhau và với các doanh nghiệp.

Kinh doanh tổng hợp, phát triển chuyên sâu, đa năng hóa nghiệp vụ ngân hàng là "chìa khóa vàng" giúp khơi thông sử dụng có hiệu quả mọi

nguồn vốn nhân rồi, chia sẻ rủi ro kinh doanh, tạo lập nền tảng vững chắc phát triển các loại thị trường tiền tệ.

Để đẩy mạnh huy động vốn và đầu tư trung - dài hạn có hiệu quả, các NHTM, các TCTD từng bước phát triển các dạng công ty "con", các công ty "cháu" chuyên doanh hóa và mở rộng chi nhánh hoạt động ở trong nước và ra nước ngoài. Chú trọng phát triển các NHTM, công ty tài chính lớn, tập đoàn ngân hàng mạnh, từng bước phát triển cổ phần hóa đan xen trong hoạt động ngân hàng, bảo đảm vai trò quốc doanh luôn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động ngân hàng.

+ Đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, chú trọng đào tạo cán bộ kinh doanh trong cơ chế thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, đáp ứng nhu cầu phục vụ mới với số lượng ngày càng lớn, với đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng. Một hệ thống ngân hàng hùng mạnh từng bước hội nhập cộng đồng tài chính quốc tế trước tiên phải dựa vào công nghệ hiện đại và thiết lập được một hệ thống thanh tra, kiểm soát, phòng ngừa hữu hiệu mọi rủi ro, mới nâng nhanh được sức cạnh tranh, thu hút được nhiều vốn cho đầu tư phát triển.

Ba là: khẩn trương hoàn thiện các thị trường tiền tệ ngắn hạn, tạo đà đẩy nhanh quá trình phát triển thị trường vốn dài hạn (thị trường chứng khoán) nhằm giải quyết tốt hơn, ở mức độ lớn hơn nhu cầu về vốn cho CNH, HĐH đất nước.

+ Hoàn thiện các thị trường tiền tệ ngắn hạn nhằm gián tiếp hỗ trợ triển khai chiến lược vốn và ổn định nhu cầu vốn ngắn hạn tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển được sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy quá trình tích lũy, tích tụ, tập trung vốn tự nhiên. Nhờ đó ngân hàng phát triển thuận lợi, có thêm nhiều cơ hội mở mang nguồn vốn đầu tư trung, dài hạn.

Để phát triển thị trường tiền tệ ngắn hạn, ngân hàng chú ý tạo nhanh các công cụ tiền tệ ngắn hạn (kỳ phiếu NHTM, tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, các loại séc, thẻ thanh toán, các loại hợp đồng giao nhận, các dạng hình thanh toán thẻ điện tử...). Đó cũng là sự "tập dượt" cần thiết đối với các ngân hàng, tạo động lực "bên trong" góp phần thúc đẩy sự phát triển thị trường vốn VN, mở ra một hướng mới với triển vọng lớn hơn về tạo vốn cho CNH, HĐH nay mai.

Hiện nay chúng ta đang chú trọng phát triển thị trường đầu giá và thị trường mua lại tín phiếu kho bạc. Khó khăn ban đầu của công việc

này là chưa tạo được cơ chế mua bán lại các loại tín phiếu kho bạc, mà trở ngại chính là ở chỗ chưa có tiêu thức đánh giá, phân biệt chất lượng các loại tín phiếu kho bạc thông qua thị giá (giá cả thị trường) của chúng. Một loại tín phiếu kho bạc được đánh giá cao không phải vì lãi suất phát hành ban đầu của nó (trên thị trường sơ cấp) cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng, mà là ở chỗ có được công chúng chấp nhận khi chuyển nhượng, mua bán lại tại thị trường thứ cấp hay không. Qua đó mới hình thành được thị giá tín phiếu, nghĩa là xác lập được giá trị đích thực của tín phiếu kho bạc. Chính các quan điểm cho rằng thị trường tín phiếu kho bạc (hay tín phiếu kho bạc) chẳng qua chỉ là công cụ vay nợ của ngân sách đã làm "che lấp" vai trò rất lớn của tín phiếu kho bạc không chỉ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho NHTW phát triển các nghiệp vụ thị trường mở, nghiệp vụ quản lý vốn khả dụng của nền kinh tế, mà còn là nền tảng ban đầu cho việc tổ chức và sử dụng vốn có hiệu quả trong khuôn khổ một thị trường chứng khoán VN nay mai.

+ Thị trường vốn dài hạn chủ yếu thuộc về các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, ở đây vai trò trung gian tài chính của các ngân hàng chỉ là thứ yếu. Song xét đến cùng, sự phát triển của thị trường chứng khoán (gồm cả 2 cấp) lại thúc đẩy nhanh hơn quá trình phát triển các loại động sản tài chính, các công cụ tài chính sinh lời giúp cho quá trình chu chuyển vốn trong nền kinh tế diễn ra theo hướng ngày càng mở rộng "thị phần" của vốn trung và dài hạn.

Hòa nhập vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước, những bước tiến, những chuyển biến về "chất", về "lượng" trong hoạt động tài chính ngân hàng mới chỉ là những khởi động ban đầu. Ngành ngân hàng với 4 định hướng chiến lược phát triển chủ yếu từ nay đến những năm 2000 mà Thống đốc NHNN khởi xướng từ cuối năm 1995 đang tiếp tục không ngừng tăng cường, củng cố kiện toàn hệ thống bao gồm toàn diện các mặt hoạt động, đặc biệt là mảng chính sách.

Chúng tôi tin tưởng rằng, trong quá trình tiếp tục đổi mới và phát triển góp phần phục vụ CNH, HĐH đất nước, hệ thống tài chính ngân hàng VN sẽ tiếp tục nhận được sự động viên, khích lệ của toàn xã hội, sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và nhà nước, sự phối kết hợp trong hoạt động với các ngành hữu quan, cùng sự cố vũ, trợ giúp nhiệt thành của bạn bè trong và ngoài nước.

Bài phát biểu tại cuộc tọa đàm do Báo Sài Gòn Giải phóng tổ chức ngày 15.10.1996.